

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi. - Số bữa ăn tại cơ sở GDMN: Hai bữa chính và một bữa phụ - Nước uống: khoảng 0,8 đến 1,6lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn) - Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa. - Tổ chức cho trẻ ngủ theo nhu cầu độ tuổi: + Trẻ từ 03 đến 12 tháng ngủ 3 giấc, mỗi giấc khoảng 90-120 phút. + Trẻ từ 12 đến 18 tháng ngủ 2 giấc, mỗi giấc khoảng 90-120 phút. + Trẻ từ 18 đến 36 tháng ngủ 1 giấc trưa khoảng 150 phút. - Vệ sinh + Vệ sinh cá nhân + Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải. - Chăm sóc sức khỏe và an toàn + Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống béo phì. + Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng. + Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.	- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi. - Số bữa ăn tại cơ sở GDMN: Một bữa chính và một bữa phụ. - Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn) - Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa. - Tổ chức ngủ: Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc vào buổi trưa (khoảng 150 phút) - Vệ sinh + Vệ sinh cá nhân + Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải. - Chăm sóc sức khỏe và an toàn + Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống béo phì. + Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng. + Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Văn bản hợp nhất 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Thông tư ban hành Chương trình giáo dục Mầm non	Văn bản hợp nhất 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Thông tư ban hành Chương trình giáo dục Mầm non
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	- Phát triển thể chất: + Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. + Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ. + Thực hiện được vận động cơ bản theo tuổi.	- Phát triển thể chất: + Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. + Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ. + Thực hiện được các vận động cơ

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
		+ Có một số tố chất vận động ban đầu (nhANH NHẸN, khéo léo, thăng bằng cơ thể). + Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay. + Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân. - Phát triển nhận thức + Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh. + Có sự nhạy cảm của các giác quan. + Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản. + Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. - Phát triển ngôn ngữ + Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói. + Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ. + Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu. + Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói. + Hồn nhiên trong giao tiếp. - Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ + Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi. + Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi. + Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt. + Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện,...	- bản một cách vững vàng, đúng tư thế. + Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng biết định hướng trong không gian. + Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. + Có một số hiểu biết về thực phẩm và lợi ích của việc ăn uống đối với sức khỏe. + Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân. - Phát triển nhận thức: + Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh. + Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định. + Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau. + Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói,...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu. + Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán. - Phát triển ngôn ngữ: + Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày. + Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ,...) + Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hằng ngày. + Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện. + Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi. + Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết - Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội + Có ý thức về bản thân. + Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. + Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực. + Có một số kỹ năng sống: tôn trọng,

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
			hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ. + Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, công đồng gần gũi. - Phát triển thẩm mỹ: + Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật. + Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình. + Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- Phòng sinh hoạt: đảm bảo 1,5m² cho 1 trẻ, đủ ánh sáng tự nhiên và thoáng, nền nhà láng xi măng, lát gạch màu sáng hoặc gỗ. Được phép sử dụng phòng sinh hoạt chung làm nơi ăn, ngủ cho trẻ. - Phòng sinh hoạt chung có đầy đủ các thiết bị: bàn, ghế của trẻ đúng qui cách và đủ cho số trẻ trong lớp. + Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu. + Hệ thống đèn, hệ thống quạt. - Phòng ngủ: đảm bảo 1,2 m² cho 1 trẻ, đảm bảo yên tĩnh, thoáng mát theo thời tiết. Có các thiết bị: giường (nệm), gối, quạt. Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ dùng phục vụ trẻ ngủ. - Phòng vệ sinh: đảm bảo 0,4 m² cho 1 trẻ, có các thiết bị sau: vòi nước rửa tay, ghế ngồi bồn.	- Phòng sinh hoạt: đảm bảo 1,5 m² cho 1 trẻ, đủ ánh sáng tự nhiên và thoáng, nền nhà láng xi măng, lát gạch màu sáng hoặc gỗ. Được phép sử dụng phòng sinh hoạt chung làm nơi ăn, ngủ cho trẻ. - Phòng sinh hoạt chung có đầy đủ các thiết bị: bàn, ghế của trẻ đúng qui cách và đủ cho số trẻ trong lớp. + Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu. + Hệ thống đèn, hệ thống quạt. - Phòng ngủ: đảm bảo 1,2 m² cho 1 trẻ, đảm bảo yên tĩnh, thoáng mát theo thời tiết. Có các thiết bị: giường (nệm), gối, quạt. Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ dùng phục vụ trẻ ngủ. - Phòng vệ sinh: đảm bảo 0,4 m² cho 1 trẻ, có các thiết bị sau: vòi nước rửa tay, chỗ đi tiểu và bệ xí cho bé trai và bé gái.

Phú Nhuận, ngày 30 tháng 9 năm 2022



Cao Thị Ngọc Lan

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế
Năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ				Mẫu giáo		
			06-12 th	13-24 th	19-24 th	25-36 th	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	335	0	8	19	46	75	95	92
1	Số trẻ em nhóm ghép								
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày								
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	335	0	8	19	46	75	95	92
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập						1		
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	335	0	8	19	46	75	95	92
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	335	0	8	19	46	75	95	92
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	335	0	8	19	46	75	95	92
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em								
1	<i>Số trẻ cân nặng bình thường</i>		0	8	19	43	67	82	69
2	<i>Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân</i>		0	0	0	0	3	4	6
3	<i>Số trẻ có chiều cao bình thường</i>		0	8	19	45	74	93	92
4	<i>Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi</i>		0	0	0	1	1	2	0
5	<i>Số trẻ thừa cân béo phì</i>		0	0	0	3	5	9	23
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục								
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	73	0	8	19	46			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	262					75	95	92

Phú Nhuận, ngày 30 tháng 9 năm 2022



HIỆU TRƯỞNG

Cao Thị Ngọc Lan

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	13	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	13	1,9m ² /trẻ em
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	2254	
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1106	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng	1.941.63	
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	1125,5	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	124,8	
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	390	
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	98,82	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	57,51	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	145	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	13	01 bộ/lớp
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	0
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	05	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	15 máy vi tính, 01 máy ảnh, 01 máy chiếu	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	13	01/lớp
5	Catsset	13	01/lớp
6	Đầu Video/đầu đĩa	13	01/lớp
7	Thiết bị khác: máy lạnh	26	02/lớp
8	Đồ chơi ngoài trời	10	
9	Bàn ghế đúng quy cách	130	10/lớp

10	Thiết bị khác: máy sấy tay	13	1/lớp
		Số lượng(m ²)	
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Số m ² /trẻ em
		Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	15	16
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

Phú Nhuận, ngày 30 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

Cao Thị Ngọc Lan

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2022- 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	46	0	0	33	03	04	06	0	15	19	22	32	0	0
I	Giáo viên	32	0	0	30	2	0	0	0	15	17	20	34	0	0
1	Nhà trẻ	13	0	0	13	01	0	0	0	07	06	2	13	0	0
2	Mẫu giáo	19	0	0	18	01	0	0	0	8	11	18	19	0	0
II	Cán bộ quản lý	02	0	0	03	0	0	0	0	0	03	03	0	0	0
1	Hiệu trưởng	01	0	0	01	0	0	0	0	0	01	01	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	01	0	0	01	0	0	0	0	0	01	01	0	0	0
III	Nhân viên	12	0	0	0	01	05	06							
1	Nhân viên văn thư	01	0	0	0	0	01	0							
2	Nhân viên kế toán	01	0	0	0	01	0	0							
3	Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0							
4	Nhân viên y tế	01	0	0	0	0	01	0							
5	Nhân viên khác	09	0	0	0	0	03	06							
..	..														

Phú Nhuận, ngày 30 tháng 9 năm 2022



HIỆU TRƯỞNG

Cao Thị Ngọc Lan